

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST
Ngày: 18 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Hồ;

Ông Trương Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1992, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948; Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con út; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Con Nguyễn Tuấn K, sinh năm 2013; tiền án: Ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự, tuyên mức hình phạt 01 năm tù giam (*Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HS-ST*), với tình tiết tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/12/2019 và thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng vào ngày 15/11/2019; tiền sự: Có 02 (*Hai*) tiền

sự: Ngày 05/7/2020, bị Công an phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với hình thức phạt tiền là 1.500.000đồng (*chưa thực hiện việc nộp tiền phạt*); Ngày 06/3/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời gian chấp hành là 12 tháng, kể từ ngày 01/02/2018 (*chưa chấp hành xong thì tiếp tục phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”*); nhân thân: Ngày 23/10/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuyên mức hình phạt 06 tháng tù giam (*Bản án hình sự phúc thẩm số 243/2009/HS-PT*), chấp hành xong ngày 13/5/2010; Ngày 07/6/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuyên mức hình phạt 01 năm tù giam (*Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HS-ST*), chấp hành xong vào ngày 19/01/2017; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: khóm A1, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phan Quốc T2, sinh năm 1988. Nơi cư trú: khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng*: Bà Trần Thị B, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khóm A1, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 8 năm 2020, do có mối quan hệ quen biết từ trước nên bị cáo Nguyễn Văn C đi bộ đến nhà anh Trần Văn T1, sinh năm 1996 ở địa chỉ: khóm A1, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thấy cửa nhà không khóa nên lén lút đi vào nhà và đến phòng ngủ của anh T1 nhìn thấy 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A6, màu vàng Gol, màn hình cảm ứng màu đen đang sạc pin nên rút chui sạc điện thoại ra, đồng thời lấy điện thoại cất giấu vào người thì bị anh T1 phát hiện đuổi bắt nhưng không được, nên trình báo đến Công

an phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi lấy trộm điện thoại trên, đến khoảng 10 giờ cùng ngày (23/8/2020) bị cáo bán cho anh Phan Quốc T2, sinh năm 1998, nơi cư trú: khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp được số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này bị cáo dùng để mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Qua xác minh Công an phường A đã tiến hành thu hồi điện thoại di động trên và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A6, màu vàng Gol, màn hình cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng hoạt động.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG, ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận như sau: 01 (Một) điện thoại Samsung A6, màu vàng Gol, màn hình cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng hoạt động. Giá khảo sát trên thị trường, bình quân tại thời điểm là 3.333.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã trao trả lại cho anh Trần Văn T1 là người bị hại 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A6, màu vàng Gol do bị cáo trộm của anh như trên.

Trong quá trình điều tra bị hại anh Trần Văn T1 trình bày như sau: Điện thoại mà bị cáo trộm đó là tài sản của anh, do chị M bà con dòng họ của anh tặng cho trước đó. Ngoài điện thoại thì anh không còn mất tài sản nào khác. Nay anh đã nhận lại được điện thoại này rồi, vì vậy trong vụ án này anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Anh thống nhất với quá trình và kết quả điều tra của cơ quan Công an.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Quốc T2 trình bày: Vào ngày 23/8/2020 anh đang ở tiệm điện thoại của mình tại địa chỉ: khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp có mua 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A6, màu vàng Gol, màn hình cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo bán với giá mua là 1.500.000đ. Trong lúc thực hiện giao dịch mua bán nêu trên thì anh không biết họ tên địa chỉ của bị cáo và cũng không biết nguồn gốc điện thoại này do bị cáo trộm của người khác mà có, sau này cơ quan Công an mời lên làm việc thì anh mới biết sự việc. Nay anh đã giao

nộp điện thoại này cho Cơ quan Công an theo quy định, trong vụ án này anh chỉ yêu cầu bị cáo trả lại anh số tiền 1.500.000 đồng mà anh mua điện thoại, không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác.

Trong quá trình điều tra người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Bà là bà con ruột bị cáo và là mẹ ruột của chị M. Vào ngày 23/8/2020 bà có nghe việc bị hại anh T1 bị mất trộm 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A6, màu vàng Gol tại nhà của anh T ở địa chỉ: khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Nghe anh T1 nói tên trộm là bị cáo C. Điện thoại bị mất trộm này là của con gái bà tên là M tặng cho T1 rồi, nên là tài sản của T1. Hiện nay M đi làm xa không có mặt ở địa phương.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là thành phố Hồng Ngự) truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, với tình tiết là tái phạm nguy hiểm. Về vật chứng: đã xử lý xong. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác về dân sự đối với bị cáo. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Quốc T2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền anh mua điện thoại là 1.500.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử đã phát biểu lời luận tội là giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai báo thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Thống nhất với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá, thống nhất với kết luận điều, thống nhất với Cáo trạng và nội dung luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã lợi dụng tình hình đêm khuya, khi anh Trần Văn T1 đang ngủ, không cảnh giác, nên đã lén lút lấy trộm điện thoại của anh T1 đang cắm sạc pin và cất giấu vào người, khi bị anh T1 phát hiện thì bị cáo cố tình bỏ chạy nhằm chiếm đoạt tài sản trộm được. Sau khi trộm bị cáo đi đã bán điện thoại này cho anh Phan Quốc T2, với giá 1.500.000đồng để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Giá trị chiếc điện thoại bị cáo trộm theo giá của Hội đồng định giá là 3.333.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành.

Đặc biệt là vào ngày 05/7/2020, bị cáo đã bị Công an phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với hình thức phạt tiền là 1.500.000đồng, hiện bị cáo chưa thực hiện việc nộp tiền phạt. Đồng thời trước đó là vào ngày 06/3/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời gian chấp hành là 12 tháng, kể từ ngày 01/02/2018, tuy nhiên khi chưa chấp hành xong thì bị cáo tiếp tục phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” tại cơ sở mà bị cáo đang cai nghiện bắt buộc, nên ngày 27/11/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự, tuyên mức hình phạt 01 năm tù, với tình tiết tái phạm. Tuy nhiên sau khi đã chấp hành xong bản án và sau đó bị Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cũng để trộm tài sản của người khác, điều này thể hiện sự bất chấp xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động, muốn thỏa mãn nhu cầu bản thân, nhất là cần tiền mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân, nên

bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm tài sản của người khác một lần nữa, với tình tiết là tái phạm nguy hiểm.

Căn cứ kết luận giám định, kết luận điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị hại, của các đương sự trong vụ án và lời thừa nhận của bị cáo, đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

a) ...

g) Tái phạm nguy hiểm....”.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo: Như đã phân tích ở trên, do lười biếng lao động chân chính và hiện đang sử dụng ma túy, muốn nhanh chóng kiếm tiền, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh, nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm hiện nay.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Ngày 23/10/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuyên mức hình phạt 06 tháng tù (Bản án hình sự phúc thẩm số 243/2009/HS-PT), chấp hành xong ngày 13/5/2010; Ngày 07/6/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuyên mức hình phạt 01 năm tù (Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HS-ST), chấp hành xong vào ngày 19/01/2017. Như vậy, bản thân bị cáo đã từng phạm tội và đã có một thời

gian chấp hành hình phạt tù, tuy nhiên bị cáo không coi đó là bài học để tu dưỡng bản thân, mà nay lại có hành vi dẫn đến con đường phạm tội tiếp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, để nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định: “5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Các tình tiết khác của nội dung vụ án:

Đối với chị Võ Thị M, theo trình bày của bị hại Trần Văn T1 và người làm chứng bà Trần Thị B (mẹ ruột của chị M), thì chị M là người tặng cho anh T1 chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm trong vụ án này, nhưng qua xác minh của Công an địa phương thì hiện nay chị M đang làm thuê ở tỉnh B, không có mặt tại địa phương nên không thể về hợp tác làm việc được. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chưa làm việc được với chị Võ Thị M không ảnh hưởng tới nội dung giải quyết hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này. Trong trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu tài sản thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với anh Phan Quốc T2 là người mua điện thoại của bị cáo trộm được, tuy nhiên khi mua anh T2 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của anh T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra đã xử lý xong, các vật chứng, tài sản thu giữ được đã trao trả cho bị hại. Xét thấy, việc xử lý vật chứng và các tài sản tạm giữ của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác của vụ án không khiếu nại về việc này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Quốc T2 có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà anh đã mua điện thoại mà bị cáo trộm được là 1.500.000đ, ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T2 là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Phan Quốc T2 số tiền là 1.500.000 đồng.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho anh Phan Quốc T2 số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Hồng Ngự;
- UBND P. An Thạnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh

